English Speaker

Let's make the world
a better place

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO KỸ NĂNG VÀ NGOẠI NGỮ ES

(ENGLISH SPEAKER CENTER)

The more people we help – The more successful we are

Teacher: **Ms. Jenny**	Content: **Grade 8: Unit 7 / Vocabulary & Grammar**

UNIT 7: POLLUTION

A. VOCABULARY

1. affect (v)	/əˈfekt/:	làm ảnh hưởng
2. algea (n)	/ˈældʒiː/:	tảo
3. aquatic (adj)	/əˈkwætɪk/:	dưới nước
4. billboard (n)	/ˈbɪlbɔːd/:	biển quảng cáo ngoài trời
5. blood pressure (n)	/blʌd ˈpreʃə/:	huyết áp
6. cause (n,v)	/kɔːz/:	nguyên nhân, gây ra
7. cholera (n)	/ˈkɒlərə/:	bệnh tả
8. come up with (v)	/kʌm ʌp wɪð/:	nghĩ ra
9. contaminate (v)	/kənˈtæmɪneɪt/:	làm bẩn
10. contaminant (n)	/kənˈtæmɪnənt/:	chất gây bẩn
11. dump (v)	/dʌmp/:	vứt, bỏ
12. earplug (n)	/ˈɪəplʌg/:	cái nút tai
13. effect (n)	/ɪˈfekt/:	kết quả
14. fine (v)	/faɪn/:	phạt tiền
15. float (v)	/f əʊt/:	nổi
16. groundwater (n)	/ˈgraʊndwɔːtə/:	nước ngầm
17. hearing loss (n)	/ˈhɪərɪŋ lɒs/:	mất thính lực
18. illustrate (v)	/ˈɪləstreɪt/:	minh họa
19. litter (n, v)	/ˈlɪtə/:	rác vụn (mẩu giấy, vỏ lon…), vứt rác
20. measure (v)	/ˈmeʒə/:	đo
21. non-point source pollution (n)		/nɒn-pɔɪnt sɔːs pəˈluːʃn/: ô nhiễm không nguồn (nguồn phân tán)
22. permanent (adj)	/ˈpɜːmənənt/:	vĩnh viễn
23. point source pollution (n)		/pɔɪnt sɔːs pəˈluːʃn/: ô nhiễm có nguồn
24. poison (n, v)	/ˈpɔɪzn/:	chất độc, làm nhiễm độc
25. pollutant (n)	/pəˈluːtənt/:	chất gây ô nhiễm
26. radioactive (adj)	/ˌreɪdiəʊˈæktɪv/:	thuộc về phóng xạ
27. radiation (n)	/ˌreɪdiˈeɪʃn/:	phóng xạ
28. thermal (adj)	/ˈθɜːml/:	thuộc về nhiệt
29. untreated (adj)	/ˌʌnˈtriːtɪd/:	không được xử lý
30. visual (adj)	/ˈvɪʒuəl/:	thuộc về thị giác

LIVEWORKSHEETS

B. GRAMMAR

1. ĐỊNH NGHĨA CÂU ĐIỀU KIỆN.

Định nghĩa	Ví dụ
Câu điều kiện gồm có hai phần: mệnh đề chỉ điều kiện (if-clause) và mệnh đề chỉ kết quả (result clause)	If the weather is fine, I will go camping with my friends tomorrow. *(Nếu thời tiết đẹp thì ngày mai tôi đi sẽ đi cắm trại với bạn của tôi.)* -> "If the weather is fine" là mệnh đề chỉ điều kiện: "I will go camping with my friends tomorrow" là mệnh đề chỉ kết quả (mệnh đề chính)
Mệnh đề IF và mệnh đề chính có thể đứng trước hay sau đều được.	I will go camping with my friends tomorrow if the weather is fine.

2. ÔN TẬP CÂU ĐIỀU KIỆN LOẠI 1 (CONDITIONAL SENENCES TYPE 1)

Chức năng	Dùng để diễn tả điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.
Cấu trúc	If + S+ $\underline{V}_{(s/es)}$ + (bổ ngữ) S will +$\underline{V}_{\text{nguyên mẫu}}$ + (bổ ngữ) (thì hiện tại đơn) (thì tương mai đơn) -> Mệnh đề IF dùng thì hiện tại đơn, mệnh đề chính dùng thì tương lai.
Ví dụ	If I have enough money, I will buy a new computer. (Nếu tôi có đủ tiền thì tôi sẽ mua một chiếc máy tính mới.) - If you work hard, you will make a lot of money. (Nếu bạn làm việc chăm chỉ thì bạn sẽ kiếm được nhiều tiền.)
Lưu ý	Unless= If not If= Unless + not Ví dụ: - If he doesn't do his homework, his mother will complain. -> Unless he does homework, his mother will complain. - If you don't send to the hospital, she will die. -> Unless you send her to the hospital, she will die. Có thể dùng các động từ must, have to, can, may, should thay cho will trong mệnh đề chính. Ví dụ: Is It rains heavily, you can stay here. (Nếu trời mưa bạn có thể ở lại đây.) - If you want to see that film, you must buy a ticket. (Nếu bạn muốn xem bộ phim đó thì bạn phải mua vé.)

C. BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

Bài 1. Khoanh tròn phương án đúng để hoàn thành các câu sau.

1. If the weather is fine, we (goes/ will go) camping tomorrow.
2. My parents will give me a gift if I (will pass/ pass) the final exam.
3. If you are polite to others, they (will be/ are nice to you).
4. Unless James (studies/ will study) hard, he will fail the exam.
5. My parents won't allow me to go out if I (don't finish/ won't finish) my homework.
6. If the cable TV (doesn't/ won't) work, we will rent a DVD.
7. If you don't want to stay at home, you (go/ can go) with me to the supermarket.
8. If you (will be/ are) a good listener, you will gain many friends.

LIVEWORKSHEETS

9. James won't attend the meeting if he (won't/doesn't) want to.

10. You can't have this job unless you (have/will have) long working experience.

11. What (you will do/ will you do) if it snows tomorrow?

12. You (will be/ are) able to understand it you practice every day.

13. We will eat out today if there (will be/ is) nothing left in the fridge.

14. If it (will be/ is) too cold outside, we will stay home.

15. If she (isn't/ won't) careful, she will make many mistakes.

Bài 2. Hoàn thành các câu sau sử dụng dạng đúng của động từ trong ngoặc.

1. The manager (be) _____ very angry if I am late for work.

2. You will have to work very hard if you (take)_____ this course.

3. I (go) _____ to see the doctor if I don't feel well tomorrow.

4. They can't hear you unless you (speak) _____ louder.

5. If Peter (forget) _____ to write his essay, the teacher (give) _____ him a low mark.

6. If they (win) _____ this match, they will ne the champions.

7. We (have) _____ plenty of time if we (arrive) _____ there early.

8. The zookeeper (punish) _____ you if you (feed) _____ the animal.

9. What _____ (Jane/ say) if Jim (tell0 _____ her the truth.

10. The boys (shiver) _____ with cold if they (swim) _____ in this lake.

11. The door (not lock) _____- unless you (press) ____ the green button.

12. Jim won't be late if he (take) _____ the bus at 6 o'clock .

13. Mary isn't home, but if you (want) _____ to leave her a message, I (give) _____ it to her.

14. If jack (clean) _____ the floor, I (do) _____ the washing.

15. the children (be) _____ happy if you (give) _____ them some sweets.

Bài 3. Nối cột A với cột B để tạo thành câu hoàn chỉnh.

A	B
1. If people keep dumping rubbish into the lake,	a. the groundwater will be poisoned.
2. If the farmers overuse pesticide,	b. if our surrounding environment is polluted
3. Soil erosion won't happen in an area,	c. they will disappear in the future.
4. if we don't converse the rainforests,	d. unless we join hands to protect it.
5. Our health will be badly affected	e. the aquatic life will be afflicted.
6. Our environment will be damaged	f. floods will be more and more severe.
7. Is we don't protect the frontier forests,	g. if people use more public transportation.
8. The amount of carbon dioxide in the atmosphere will be reduced	h. if people practice sustainable agricultural mad use.

1. ____ 2. _____ 3. _____ 4. _____

5. ____ 6. _____ 7. _____ 8. _____

LIVEWORKSHEETS